

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Ph**

Bản án số: 116/2020/HS-ST
Ngày: 28/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, TP.HCM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Vinh;

2/ Bà Phan Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2020/TLST/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

1/ Nguyễn Ngọc Minh Ph; sinh năm: 1981; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: khu phố 1, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề ngH: cho thuê phòng trọ; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N; và bà: Nguyễn Thị K; có chồng đã ly hôn, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày: 27/12/2019 đến ngày 15/01/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

2/ Nguyễn Quang Minh H; sinh năm: 1989; tại: Trà Vinh; hộ khẩu thường trú: xã Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; nghề ngH: thợ làm bánh mì; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quang Ng; và bà: Trần Thị Thanh Nh; có vợ chưa có con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày: 27/12/2019. (có mặt).

Bị hại: anh Nguyễn Đức H – sinh năm: 1994; Thường trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí

Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trương Phương Q – sinh năm: 1996 và ông Đặng Thành T – sinh năm: 1994; Cùng trú tại: khu phố 8, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người làm chứng: ông Trần Minh Dũng– sinh năm: 1960 và ông Thạch Khem Mara – sinh năm: 1986 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Khoảng 10 giờ ngày 27/11/2019, Nguyễn Ngọc Minh Ph đến ngân hàng Vietcombank chuyển cho anh Nguyễn Đức H trú tại số phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, hộ khẩu thường trú tại, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội là bạn quen biết mượn 2.400.000 đồng tiền ngân hàng Việt Nam để H chuyển xe mô tô qua đường tàu hỏa từ Thành phố Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi nhận tiền H khóa máy điện thoại và chặn cuộc gọi của Ph không liên lạc được. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/12/2019 Ph thấy H đăng bán điện thoại iPhone 7plus trên mạng Chợ Tốt nên nhờ Trương Phương Q gọi điện thoại cho H hỏi mua điện thoại và hẹn 19 giờ cùng ngày gặp nhau tại khu vực phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức. Do Ph sợ bị đánh và để tạo áp lực cho anh H trả nợ, Ph rủ Nguyễn Quang Minh H, Đặng Thanh T là bạn quen biết và Trương Phương Q là vợ của T đi chung để gọi anh H ra gặp. Trước khi đi, Ph chỉ nói với H đến gặp anh H đòi lại tiền anh H mượn 2.400.000 đồng. H điều khiển xe Airblade biển số 59N2 – 587.20 chở Ph, T điều khiển xe Airblade biển số 95R1 – 5701 chở Q. Khi đến trước địa chỉ số 57 đường 6, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức thì gặp anh H, H dùng tay phải dọa đánh anh H để hù dọa trả tiền cho Ph. Do bị H đe dọa nên anh H không dám nói gì mà để Ph dùng tay lấy điện thoại iPhone 7Plus và điện thoại SamSung Galaxy j4+ trên tay anh H và Ph nói “H mang tiền đến trả, Ph trả lại hai máy điện thoại di động”. Sau khi lấy điện thoại di động của anh H, Ph kêu anh H lấy ví ra lấy tiền trả cho Ph, anh H lấy ví ra cho Ph xem, thấy không có tiền nên Ph lấy hai điện thoại mang về nhà. Ngày 27/12/2019 anh H đến Công an phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức trình báo sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức đưa Nguyễn Ngọc Minh Ph, Nguyễn Quang Minh H về làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Nguyễn Ngọc Minh Ph, Nguyễn Quang Minh H khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm như trên và giao nộp điện thoại iPhone 7Plus, điện thoại hiệu Samsung Galaxy j4+.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại hiệu iPhone 7Plus màu đen và 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy 4+ màu vàng. Ngày 02/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức ra quyết định xử lý vật chứng trả cho anh

Nguyễn Đức H là chủ sở hữu.

Theo kết luận định giá tài sản số 364/CV-HĐĐGTSTTTTHS ngày 28/02/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Thủ Đức kết luận: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 7Plus màu đen có giá trị T sản là 6.300.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy j4+ màu vàng có giá trị T sản là 2.700.000 đồng.

[2] Bản Cáo trạng số 109/CT-VKSTĐ ngày 22/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc Minh Ph và Nguyễn Quang Minh H, về tội “Cưỡng đoạt T sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt T sản” và áp dụng khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Hiệp và bị cáo Ph từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Phần dân sự và vật chứng vụ án đã xử lý xong.

Các bị cáo không tranh luận hoặc bào chữa gì.

Bị cáo Ph nói lời sau cùng: bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc 02 con nhỏ, do bị cáo đã ly hôn không có ai nuôi dưỡng, chăm sóc các con cho bị cáo.

Bị cáo Hiệp: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng và các T liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định các bị cáo đã có hành vi đe dọa dùng vũ lực gây áp lực để lấy T sản của bị hại là 01 điện thoại di động hiệu iPhone 7Plus màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy j4+ màu vàng, mục đích tạo áp lực buộc anh H trả cho bị cáo Ph số tiền 2.400.000 đồng

mà anh H đã mượn của bị cáo Ph.

T sản chiếm đoạt theo bản kết luận định giá tài sản số 364/CV-HĐĐGTSTTHS ngày 28/02/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Thủ Đức tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 9.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận các bị cáo đã phạm tội “Cưỡng đoạt T sản” tội phạm và hình phạt được quy định, trừng trị tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét trong vụ án này nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo có phần lỗi của bị hại, cụ thể ngày 27/11/2019 bị hại có mượn của bị cáo Ph số tiền 2.400.000 đồng nH không trả mà còn chặn điện thoại không liên lạc được, dẫn đến khi phát hiện tin tức của bị hại, bị cáo Ph trong ý thức chỉ muốn đòi lại số tiền bị hại mượn không trả, hoàn toàn không xúi giục, kích động bị cáo Hiệp đánh bị hại, bị cáo Hiệp khi biết được việc vay mượn giữa bị cáo Ph và bị hại đã bức xúc nên có hành vi đe dọa dùng vũ lực đối với bị hại để bị hại trả tiền cho bị cáo Ph. Các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, nhất thời bộc phát hành vi vi phạm pháp luật. NH đúng lý ra khi phát hiện H hai bên có thể thỏa thuận, thương lượng để giải quyết vấn đề vay nợ, khi không thỏa thuận được có thể nhờ Cơ quan có thẩm quyền để giải quyết vấn đề vay mượn tiền, mà không được sử dụng hành vi dùng số đông tạo áp lực, đe dọa bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Chỉ vì động cơ đòi nợ, các bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội thể hiện các bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

[3] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, lần đầu phạm tội, nhân thân chưa có tiền án tiền sự. Tại phiên tòa phát sinh tình tiết mới, các bị cáo nộp các tài liệu chuyển tiền qua ngân hàng Vietcombank chuyển tiền bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng (có hóa đơn chứng từ chuyển tiền), số tiền còn lại 4.000.000 đồng và 01 điện thoại Samsung A70 (không có chứng từ) và bị hại đã có đơn bãi nại cho các bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, nên áp dụng mức thấp nhất dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với Đặng Thanh T, Trương Phương Q không biết việc mâu thuẫn giữa bị cáo Ph và anh H. Bị cáo Ph nhờ Q gọi điện thoại cho anh H mua điện thoại nên đi theo. Tài và Q không tham gia thực hiện đánh và lấy điện thoại của anh H, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức không truy cứu trách nhiệm hình sự là đúng quy định pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: bị hại anh H đã được bồi thường thiệt hại, đã nhận lại tài sản, có đơn bãi nại cho các bị cáo và không có yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc Minh Ph, Nguyễn Quang Minh H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt

1/ Bị cáo Nguyễn Ngọc Minh Ph 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2019 đến ngày 15/01/2020.

2/ Bị cáo Nguyễn Quang Minh H 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2019.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời gian kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại; Người có QLNVLQ
- VKSND, CA, Chi cục THA Q.ĐĐ
- PC27
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thị Thu Thảo